



NHẬN THỨC CỦA NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH DỰA VÀO THIÊN NHIÊN TẠI VƯỜN QUỐC GIA BẠCH MÃ, THỪA THIÊN HUẾ

Lê Thanh An*, Nguyễn Công Định

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, 99 Hồ Đắc Di, Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: Lê Thanh An <lethanhan@hueuni.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 10-5-2022; Ngày chấp nhận đăng: 22-9-2022)

Tóm tắt. Du lịch dựa vào thiên nhiên đóng vai trò quan trọng không chỉ trong việc quản lý hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên mà còn thúc đẩy kinh tế – xã hội phát triển. Trong nghiên cứu này, các tác động từ du lịch dựa vào thiên nhiên tại Vườn quốc gia Bạch Mã được đánh giá và khám phá dựa trên quan điểm của 182 người dân địa phương sống tại vùng đệm của khu bảo tồn. Kết quả phân tích nhân tố khám phá chỉ ra sáu nhóm yếu tố liên quan tới các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường. Trong đó, “Tích cực về kinh tế” và “Tích cực về xã hội” là những yếu tố nổi bật mà người dân địa phương nhận ra từ du lịch. Kết quả nghiên cứu này góp phần bổ sung minh chứng thực tiễn về những tác động của du lịch dựa vào thiên nhiên đối với các hoạt động kinh tế – xã hội của địa phương và quản lý khu bảo tồn ở Việt Nam và là căn cứ quan trọng để các nhà quản lý và chính quyền địa phương các cấp đề xuất các giải pháp và can thiệp hiệu quả nhằm hướng đến phát triển du lịch bền vững.

Từ khoá: du lịch dựa vào thiên nhiên, phân tích nhân tố khám phá, Vườn quốc gia Bạch Mã, Thừa Thiên Huế

Residents' perceptions towards nature-based tourism development in Bach Ma National Park, Thua Thien Hue

Le Thanh An*, Nguyen Cong Dinh

University of Economics, Hue University, 99 Ho Duc Di St., Hue, Vietnam

* Correspondence to Le Thanh An <lethanhan@hueuni.edu.vn>

(Submitted: May 10, 2022; Accepted: September 22, 2022)

Abstract. Nature-based tourism plays an essential role not only in effectively managing natural resources but also in promoting socio-economic development. The impacts of nature-based tourism in Bach Ma National Park were analyzed and explored on the basis of the views of 182 people living in buffer zones. According to exploratory factor analysis, six components of tourism affect the perceptions relating to

economic, social, and environmental aspects. Among them, “Positive economic impact” and “Positive social impact” are significant factors the residents recognized from the development of tourism. The findings support empirical evidence on various impacts of nature-based tourism development on local socio-economic activities and protected area management in Vietnam. They also provide an essential basis for policymakers and local authorities at different levels to propose effective solutions and interventions for sustainable tourism development.

Keywords: nature-based tourism, exploratory factor analysis, Bach Ma National Park, Thua Thien Hue

1 Đặt vấn đề

Du lịch được xem là ngành công nghiệp lớn trên thế giới và du lịch dựa vào thiên nhiên (DLTN) là một trong những hợp phần phát triển mạnh mẽ nhất của ngành công nghiệp đó. Tốc độ tăng trưởng toàn cầu của DLTN đặc biệt cao, bình quân đạt từ 10 đến 30% mỗi năm [11] và khoảng 60% tổng lượng khách quốc tế trên thế giới đến từ các mô hình tham quan dựa vào thiên nhiên [14]. Mục đích chính của DLTN là thúc đẩy và gia tăng hiểu biết về thiên nhiên thông qua sự tương tác trực tiếp với cảnh quan môi trường [5]. Các điểm đến của DLTN phần lớn được tổ chức tại các khu bảo tồn thiên nhiên. Các khu bảo tồn thiên nhiên trên thế giới hàng năm đón khoảng tám tỷ lượt du khách [4]. Bằng cách đó, DLTN đã và đang giữ vai trò quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội và bảo vệ môi trường. Loại hình du lịch này còn tạo ra một động lực kinh tế quan trọng cho các quốc gia tiếp nhận và là nguồn thu tiềm năng cho các khu bảo tồn thiên nhiên nhằm theo đuổi các mục tiêu bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên [5]. Rất nhiều quốc gia trên thế giới thúc đẩy DLTN nhằm đạt được các mục tiêu cả bảo tồn thiên nhiên lẫn phát triển kinh tế – xã hội; thậm chí một số quốc gia như Úc và New Zealand coi DLTN là một thành phần chính của thu nhập xuất khẩu [6].

Tại Việt Nam, du lịch dựa vào thiên nhiên đang được thừa nhận là đóng vai trò quan trọng đối với việc bảo tồn và quản lý hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên trong các khu bảo tồn và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội của các cộng đồng sống gần và xung quanh các khu bảo tồn. Ước tính khoảng 51% trong tổng 91 triệu du khách nội địa và 33% trong tổng 1,2 triệu khách quốc tế đã tham gia vào hoạt động DLTN [7]. Trong Chiến lược du lịch quốc gia với tầm nhìn đến năm 2030, DLTN được xem là một trong những sản phẩm chính đóng góp vào sự phát triển đất nước [8]. Các cơ quan ban ngành, các tổ chức trong và ngoài nước, cũng như các cộng đồng địa phương đã tham gia theo nhiều cách khác nhau nhằm thúc đẩy DLTN phát triển [9]. Trong bối cảnh đó, các khu bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam, nhất là các vườn quốc gia đã và đang ngày càng chú trọng đến các lợi ích tiềm năng mà DLTN mang lại, như hỗ trợ nguồn tài chính cho bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, hay tạo các nguồn sinh kế thay thế cho cộng đồng địa phương [10, 11].

Nằm trên dải đất miền Trung, Vườn quốc gia Bạch Mã (VQG Bạch Mã), một trong 34 vườn quốc gia ở Việt Nam, được thành lập vào năm 1991 nhằm bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, các di tích lịch sử văn hoá và cung cấp các dịch vụ giải trí và du lịch. Bên cạnh các mục tiêu bảo tồn bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường, VQG Bạch Mã đã và đang ngày càng chú trọng đến phát triển DLTN, nhất là tập trung vào những lợi ích tiềm năng mà loại hình du lịch này mang lại. Chẳng hạn, số lượng khách tham quan khu bảo tồn này đã tăng 1,6 lần trong vòng 10 năm, đạt 14.852 du khách trong năm 2015 [10]. Đặc biệt, tổng số du khách tham quan VQG Bạch Mã năm 2019 ước tính lên đến 33.700 người [9]. Lượng du khách tham quan tới các khu bảo tồn tăng hàng năm, nhất là với nguồn thu từ phí tham quan, đã góp phần quan trọng trong hỗ trợ, gia tăng nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước cho các khu bảo tồn [12, 13].

Bên cạnh những lợi ích tích cực đối với các khu bảo tồn thiên nhiên, DLTN cũng gây ra nhiều tác động bất lợi khác nhau đến cộng đồng và người dân địa phương sống trong và xung quanh khu bảo tồn đó. Nói cách khác, các cộng đồng địa phương được xem là một trong những hợp phần cơ bản, chịu ảnh hưởng của các tác động từ phát triển du lịch thông qua các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường [6, 14–16]. Đặc biệt, những ảnh hưởng khác nhau của du lịch đến cộng đồng địa phương, không chỉ ở khía cạnh tích cực mà còn cả khía cạnh tiêu cực, được rất nhiều nghiên cứu trên thế giới quan tâm [17, 18]. Trong khi đó, tại Việt Nam, các nghiên cứu về tác động của du lịch tại các khu bảo tồn thiên nhiên đối với cộng đồng vẫn chưa được xem xét một cách kỹ lưỡng, đặc biệt là từ quan điểm của người dân địa phương [11, 19, 20]. Điều này là cần thiết để hiểu nhận thức của cộng đồng địa phương đối với phát triển du lịch tại các khu bảo tồn thiên nhiên, qua đó góp phần quản lý hoạt động du lịch bền vững, quản lý và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên hiệu quả, cũng như tối đa hoá các lợi ích cho cộng đồng [6, 21, 22]. Các chiến lược du lịch bền vững, như DLTN, cũng cần hướng tới nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng, bảo tồn tài nguyên và môi trường, cũng như các tài sản khác của người dân địa phương [10, 23–25]. Do đó, trong nghiên cứu này, chúng tôi tìm hiểu và đánh giá quan điểm của người dân địa phương sinh sống xung quanh VQG Bạch Mã, hướng tới sự phát triển DLTN của khu bảo tồn này, trong đó nhấn mạnh các tác động khác nhau của du lịch dưới góc nhìn của cộng đồng địa phương.

2 Cơ sở lý luận và phương pháp

2.1 Đặc điểm của khu vực nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại VQG Bạch Mã – trung tâm của dải rừng xanh tự nhiên còn lại ở nước ta nối từ biển Đông tới biên giới Việt – Lào. Vườn quốc gia Bạch Mã được thành lập vào năm 1991 nhằm bảo tồn tính đa dạng sinh học và hệ sinh thái chuyển tiếp giữa miền Bắc và miền Nam. Đây được coi là một trong những khu vực ưu tiên bảo tồn đa dạng sinh học của Việt

Nam, với 204 loài đặc hữu và 73 loài thực vật và 15 loài đặc hữu và 69 loài động vật nằm trong Sách Đỏ Việt Nam [26]. Vườn quốc gia Bạch Mã có tổng diện tích 37.487 ha, trải rộng trên địa phận hai tỉnh Thừa Thiên Huế (34.380 ha) và Quảng Nam (3.107 ha). Vùng đệm của khu bảo tồn thiên nhiên này bao phủ 58.676 ha trên địa bàn hai huyện Phú Lộc và Nam Đông (Thừa Thiên Huế) và huyện Đông Giang (Quảng Nam). Số dân trong vùng đệm ước tính khoảng 79.000 người [27]. Lượng du khách tham quan khu bảo tồn này có xu hướng tăng qua các năm, trong đó giai đoạn 2016–2019 có tốc độ tăng trưởng bình quân ước đạt khoảng 22%/năm [9].

2.2 Tác động của du lịch từ góc nhìn của cộng đồng địa phương và mô hình nghiên cứu đề xuất

Nhận thức và thái độ của người dân địa phương về du lịch được nhiều học giả quan tâm nghiên cứu. Điều này cho thấy vai trò và đóng góp quan trọng của người dân bản địa đối với thành công của hoạt động quản lý và phát triển ngành du lịch và lữ hành [20, 28]. Thậm chí, lý thuyết trao đổi xã hội còn xem nhận thức của người dân về tác động của du lịch là hết sức cần thiết khi thúc đẩy các hoạt động hỗ trợ cho du lịch phát triển [28, 29]. Theo đó, các tác động từ phát triển du lịch phần lớn được xem xét thông qua ba khía cạnh (kinh tế, xã hội và môi trường) và chúng có thể là tích cực hoặc tiêu cực. Những người địa phương khi tự nhận thấy các lợi ích của du lịch thì họ sẽ nhận thức về chúng một cách tích cực; chiều ngược lại được coi là tiêu cực [16, 29–31].

Trong các tác động từ du lịch, nhất là tác động tích cực, các lợi ích về kinh tế đã được hầu hết các nghiên cứu chỉ rõ [16, 31–34]. Ảnh hưởng tích cực nhất của du lịch đối với kinh tế chính là sự gia tăng ngân sách, kích thích đầu tư, mở rộng sản xuất, tạo việc làm và cải thiện phúc lợi của người dân địa phương. Đây cũng chính là những mục tiêu mà chính phủ các nước, các doanh nghiệp và cá nhân theo đuổi, muốn đạt được từ quá trình phát triển các điểm đến du lịch [33]. Chẳng hạn, việc làm và các cơ hội kinh tế khác nhau được tạo ra cho người dân địa phương nhờ hoạt động du lịch [34–36]. Các tác động tích cực về văn hoá, xã hội của du lịch được nhiều nghiên cứu khám phá, chẳng hạn như gia tăng sự hiểu biết và trao đổi văn hoá, nhu cầu hoạt động văn hoá và cải thiện chất lượng cuộc sống [35, 36]. Du lịch cũng tạo ra những lợi ích về môi trường như bảo vệ môi trường địa phương và môi trường thiên nhiên tốt hơn [20, 30, 37].

Bên cạnh những lợi ích tích cực, phát triển du lịch cũng gây ra nhiều vấn đề và tác động tiêu cực về kinh tế, xã hội và môi trường. Các vấn đề kinh tế và xã hội này được các học giả khám phá dưới nhiều góc độ khác nhau, chẳng hạn như tăng giá các sản phẩm hàng hoá và dịch vụ, chỉ mang lại lợi ích kinh tế cho một số nhóm người, làm mai một văn hoá hay nảy sinh các vấn đề xã hội [19, 25, 32]. Bên cạnh đó, các tác động tiêu cực về môi trường xuất hiện do phát triển du lịch như ô nhiễm tiếng ồn, suy giảm cảnh quan thiên nhiên, tình trạng đông người và tắc nghẽn

giao thông [32, 37–38].

Trên cơ sở đó, tại Việt Nam, một số học giả và nhà nghiên cứu đã đề cập tới các tác động của hoạt động du lịch ở các vườn quốc gia. Chẳng hạn, Long và Kayat [19] xác nhận rằng phát triển du lịch tại VQG Cúc Phương đã gây ra cả tác động tích cực lẫn tiêu cực về kinh tế, xã hội và môi trường. Các tác giả đã chỉ ra rằng, trong các tác động đó, các tác động tích cực từ quan điểm của người dân tập trung chủ yếu vào khía cạnh văn hoá – xã hội và môi trường. Đặc biệt, trong nghiên cứu gần đây nhất, Huong và Lee [20] đã khám phá các tác động từ sự phát triển du lịch của VQG Ba Bể dưới góc nhìn của người dân địa phương qua năm nhóm nhân tố: lợi ích môi trường và xã hội, lợi ích kinh tế của người dân, lợi ích của địa phương, tác động tiêu cực về môi trường và xã hội và tác động tiêu cực về kinh tế. Như vậy, các mô hình nghiên cứu tại các khu bảo tồn ở Việt Nam cho thấy tác động của du lịch có thể phân chia theo nhiều tiêu chí đánh giá khác nhau, nhưng chúng đều phản ánh cả mặt tích cực lẫn mặt tiêu cực liên quan tới các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường.

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu ở trên, trong bài báo này, chúng tôi khám phá các tác động khác nhau của phát triển du lịch tại VQG Bạch Mã thông qua nhận thức của người dân địa phương sống trong vùng đệm của khu bảo tồn này. Các tác động từ du lịch trong mô hình đề xuất nghiên cứu gồm sáu tiêu chí theo 28 biến quan sát liên quan, trong đó có ba nhóm tiêu chí tích cực (kinh tế, xã hội và môi trường) và ba nhóm tiêu chí tiêu cực (kinh tế, xã hội và môi trường) (Bảng 1).

Bảng 1. Tiêu chí và biến quan sát trong mô hình nghiên cứu

Tiêu chí	Biến quan sát	Nguồn
Tác động tích cực về kinh tế	Cải thiện hoạt động đầu tư và xây dựng, Gia tăng cơ hội nghề nghiệp, Cải thiện thu nhập và mức sống, Cải thiện thu nhập và sinh kế, Góp phần phục hồi các làng nghề, Góp phần gia tăng nguồn ngân sách	[19–20, 33, 35–36, 39]
Tác động tích cực về xã hội	Gia tăng nhu cầu về các hoạt động văn hoá và giải trí, Các hoạt động giải trí hiện hữu tăng, Cải thiện chất lượng cuộc sống, Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ, Tăng cường tương tác văn hoá, Hỗ trợ duy trì các khu di tích và lịch sử	[19–20, 35–36, 39]
Tác động tích cực về môi trường	Nâng cao nhận thức bảo vệ tài nguyên, Nâng cao khả năng tiếp cận khu bảo tồn, Hoàn thiện các cơ sở hạ tầng trong khu vực, An ninh trật tự được đảm bảo	[19–20, 30, 37]
Tác động tiêu cực về kinh tế	Gây cản trở các hoạt động kinh tế, Làm giá cả các hàng hoá và dịch vụ tăng, Tạo ra nhóm lợi ích về kinh tế, Lợi ích từ du lịch cuối cùng thuộc về các doanh nghiệp và người ngoài cộng đồng	[19–20, 25, 32]

Tiêu chí	Biến quan sát	Nguồn
Tác động tiêu cực về xã hội	Xuất hiện các tệ nạn, Mai một các giá trị văn hoá truyền thống, Xuất hiện xung đột giữa du khách và người dân địa phương, Phân tầng trong xã hội	[19, 25, 32]
Tác động tiêu cực về môi trường	Tụ tập đông người và tắc nghẽn giao thông, Gây mất sự yên tĩnh trong khu vực, Gia tăng rác thải, Gia tăng sức ép phá huỷ cảnh quan thiên nhiên	[19–20, 32, 38]

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả, 2021

2.3 Thu thập và xử lý số liệu

Thiết kế bảng hỏi và khảo sát: Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu trước đây [16, 19, 20, 32, 39], chúng tôi thiết kế một bảng câu hỏi bao gồm 28 thuộc tính quan sát liên quan tới nhận thức của người dân về tác động khác nhau của phát triển du lịch và các thông tin cơ bản của người được hỏi. Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert với năm mức độ, từ 1 (hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (hoàn toàn đồng ý) để đo lường và đánh giá các tác động khác nhau của du lịch. Bảng câu hỏi được điều tra thử thông qua phỏng vấn trực tiếp 20 người dân địa phương nhằm kiểm tra mức độ phù hợp của các thang đo và nội dung trong phiếu điều tra. Sau khi bổ sung và điều chỉnh phù hợp, chúng tôi tiến hành điều tra chính thức thông qua bảng câu hỏi khảo sát trực tiếp người dân sống tại vùng đệm của VQG Bạch Mã trong năm 2021.

Kích thước mẫu, phương pháp chọn mẫu và thu thập dữ liệu: Kích thước mẫu dự kiến điều tra (n) được tính theo công thức (1)

$$n = N / (1 + N \times e^2) \quad (1)$$

trong đó N là tổng thể và e là sai số cho phép [40]. Bằng cách này, với số dân ước tính khoảng 79.000 người sống trong vùng đệm VQG Bạch Mã [27] và sai số e cho phép 10%, kích thước mẫu tối thiểu trong nghiên cứu này là 100 mẫu. Bên cạnh đó, kích thước mẫu tối thiểu trong phân tích nhân tố khám phá gọi ý từ 100–200 mẫu [41] hoặc dựa trên năm lần mẫu cho một tham số ước lượng [42]. Vì vậy, chúng tôi triển khai khảo sát phiếu điều tra đối với 200 người dân sống ở vùng đệm của VQG Bạch Mã, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đồng thời, phương pháp chọn mẫu thuận tiện cũng được thực hiện với những người sinh sống tại huyện Phú Lộc và Nam Đông, Thừa Thiên Huế, và những người sẵn lòng cung cấp thông tin. Sau khi loại bỏ những phiếu điều tra thiếu thông tin và không hợp lệ, chúng tôi thu được 182 phiếu khảo sát và tiến hành tổng hợp, mã hoá, phân tích và xử lý.

Phân tích và xử lý số liệu: Phân tích thống kê mô tả được sử dụng nhằm mô tả các dữ liệu đã thu thập liên quan tới các thang đo và các đặc điểm nhân khẩu học của những người được hỏi. Đối với giá trị trung bình dựa trên thang đo Likert theo năm mức độ, giá trị trung bình ứng

với mỗi mức là: 1 – hoàn toàn không đồng ý (1–1,8); 2 – không đồng ý (1,81–2,6); 3 – không phải không đồng ý cũng không phải đồng ý (2,61–3,4); 4 – đồng ý (3,41–4,2) và 5 – hoàn toàn đồng ý (4,21–5).

Bên cạnh phương pháp thống kê mô tả, chúng tôi đánh giá các tác động của phát triển du lịch dựa trên nhận thức của người dân địa phương thông qua các đánh giá độ tin cậy của thang đo và phân tích nhân tố khám phá (EFA – Exploratory Factor Analysis). Trước khi phân tích EFA, phương pháp đánh giá độ tin cậy của thang đo cho phép chúng tôi kiểm tra độ tin cậy của các thang đo và biến quan sát trong mô hình phân tích. Thang đo có độ tin cậy khi giá trị Cronbach's Alpha nằm trong khoảng 0,6–1 và hệ số tương quan biến – tổng hiệu chỉnh của biến đo lường của thang đo có giá trị lớn hơn 3 [41]. Các tác động từ sự phát triển du lịch cũng như biến tác động nhiều trong từng nhân tố được xác định thông qua phương pháp EFA. Ngoài ra, tính hợp lý của cơ sở dữ liệu khi áp dụng EFA đạt được khi các kiểm định Kaiser-Meyer-Olkin (KMO) và Bartlett lần lượt đạt giá trị 0,5 và 0,9 ở mức ý nghĩa 0,05.

Ngoài ra, kiểm định T và ANOVA được áp dụng nhằm xem xét có sự khác biệt khi đánh giá về các nhóm cấu thành nhận thức về tác động của du lịch giữa nhóm người dân địa phương có các đặc điểm nhân khẩu học khác nhau. Chúng tôi sử dụng phần mềm IBM SPSS Statistics 23 để thực hiện việc nhập liệu, xử lý và tính toán số liệu.

3 Kết quả và thảo luận

3.1 Thông tin chung về mẫu điều tra

Một số đặc điểm cơ bản của người được khảo sát được trình bày trong Bảng 2. Trong tổng số 182 phiếu điều tra, giới tính của những người được hỏi phân bố khá đồng đều, trong đó nữ giới chiếm 46%. Phần lớn những người được hỏi nằm trong độ tuổi 36–45 (chiếm 46%) và trình độ học vấn chủ yếu là tốt nghiệp phổ thông trung học (43%).

Ngoài ra, các tác động của phát triển DLTN tại Vườn quốc gia Bạch Mã liên quan tới các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường thông qua nhận thức của người dân địa phương được đánh giá và mô tả trong các Bảng 3 và 4. Theo đó, phát triển du lịch tại Bạch Mã đã tạo ra các tác động nhiều chiều, cả mặt tích cực (Bảng 3) lẫn mặt tiêu cực (Bảng 4).

Trong các tác động tích cực đạt được từ sự phát triển du lịch, cải thiện các hoạt động xây dựng, đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng nhận được từ du lịch được đánh giá cao nhất (giá trị trung bình đạt 4,32 hay ở mức hoàn toàn đồng ý, Bảng 3). Trong mười năm trở lại đây, hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn các xã vùng đệm ngày càng được đầu tư và mở rộng, nhất là các khu vực xung quanh Thị trấn Phú Lộc, Huyện Phú Lộc, nơi được xem là cửa ngõ tham quan khu bảo tồn. Đặc biệt, năm 2016, dự án hệ thống đường nối từ quốc lộ 1A vào VQG Bạch Mã đã được

Bảng 2. Một số thông tin cơ bản về mẫu khảo sát

Đặc điểm	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	101	55,49
	Nữ	81	44,51
Độ tuổi	<25	28	15,38
	26–35	47	25,82
	36–45	83	45,60
	>46	24	13,19
Trình độ học vấn	Tiểu học	14	7,69
	Trung học cơ sở	23	12,64
	Phổ thông trung học	78	42,86
	Đại học	56	30,77
	Sau đại học	11	6,04
Nghề nghiệp	Doanh nghiệp tư nhân	20	10,99
	Nông dân	42	23,08
	Tiểu thương	26	14,29
	Cán bộ nhà nước	32	17,58
	Công nhân	27	14,84
	Giáo viên	35	19,23

Nguồn: Tổng hợp và phân tích dữ liệu điều tra, 2021

phê duyệt với tổng mức đầu tư gần 83 tỷ đồng [43]. Điều này không chỉ thúc đẩy việc kết nối du khách với điểm đến du lịch tại Bạch Mã mà còn hỗ trợ cho các hoạt động kinh tế, xã hội của địa phương phát triển hơn. Các lợi ích còn lại về tác động kinh tế nhận được từ du lịch nằm trong khoảng giá trị trung bình từ 3,88 đến 4,16 (hay đánh giá ở mức độ đồng ý, Bảng 3). Kết quả này khá tương đồng với những công bố trước đây, chẳng hạn như cơ hội nghề nghiệp, góp phần tăng thu nhập cho người dân địa phương [20, 35, 44]. Người dân địa phương có nhiều cơ hội tham gia vào các hoạt động DLTN, chẳng hạn như hướng dẫn viên du lịch hoặc biểu diễn hoặc tham gia vào các sự kiện và lễ hội [45].

Các lợi ích nhận được về văn hoá, xã hội và môi trường từ du lịch tại Bạch Mã cũng được người dân đánh giá cao, trong đó các đánh giá cao nhất là những đóng góp về hoạt động giải trí ngày càng mở rộng (4,05), cải thiện chất lượng đời sống của người dân (3,96) và gia tăng nhu cầu hoạt động văn hoá, vui chơi, giải trí (3,92). Khi hoạt động du lịch ngày càng mở rộng và phát triển thì diện mạo các công trình phúc lợi phục vụ đời sống cho người dân được nâng cao, hay tỷ lệ thất nghiệp trên địa bàn giảm nhờ đa dạng các hoạt động sinh kế. Thậm chí, các dịch vụ du lịch, như cơ sở lưu trú du lịch và dịch vụ ăn uống, ngày càng được mở rộng trong vùng, đặc biệt trong bối cảnh lượng du khách tham quan khu bảo tồn ngày càng tăng. Nhờ có các hoạt động du lịch, giao lưu văn hoá thông qua các mối quan hệ theo các cách khác nhau hình thành giữa người dân địa phương và khách du lịch. Cải thiện khả năng tiếp cận VQG được xem là một trong những lợi

Bảng 3. Nhận thức của người dân về tác động tích cực của phát triển du lịch tại Vườn quốc gia Bạch Mã

Tác động của du lịch	Mức độ đánh giá ^(*) (%)					Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
	1	2	3	4	5		
Các tác động kinh tế							
Cải thiện các hoạt động xây dựng, đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng tốt hơn	0,5	2,2	11,5	36,3	49,5	4,32	0,806
Gia tăng cơ hội nghề nghiệp cho người dân địa phương	0,5	0,5	18,8	59,9	19,2	3,97	0,68
Đóng góp vào việc cải thiện thu nhập và mức sống của người dân địa phương	1,1	2,2	17	62,6	17	3,92	0,724
Cải thiện thu thập và đa dạng hoá sinh kế của người dân địa phương	0,5	4,9	14,3	57,1	23,1	3,97	0,79
Góp phần phục hồi, duy trì các làng nghề, sự kiện và lễ hội truyền thống	1,1	2,2	17	38,5	41,2	4,16	0,864
Góp phần tăng nguồn ngân sách cho địa phương như các khoản thuế liên quan tới du lịch	1,1	3,8	18,7	58,8	17,7	3,88	0,777
Các tác động văn hoá – xã hội							
Gia tăng nhu cầu về các hoạt động văn hoá, vui chơi và giải trí	0,5	0,5	21,4	61,5	15,9	3,92	0,664
Các hoạt động giải trí hiện hữu, mở rộng và hoạt động ngày càng nhiều	0	0	17	61	22	4,05	0,624
Góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân địa phương	0,5	0,5	18,1	63,7	17	3,96	0,651
Nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ du lịch (ví dụ như nhà hàng, khách sạn)	1,1	0	19,8	64,3	14,8	3,92	0,664
Tăng cường tương tác, hiểu biết văn hoá ở giữa các nhóm/cộng đồng khác nhau	0,5	1,1	22,5	61	14,8	3,88	0,675
Hỗ trợ tốt hơn cho các hoạt động tôn tạo, duy trì các khu di tích, lịch sử	0	3,8	17,0	68,1	11	3,86	0,646
Các tác động môi trường							
Nâng cao nhận thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường tốt hơn	1,1	9,3	25,3	59,3	4,9	3,58	0,774
Nâng cao khả năng tiếp cận VQG Bạch Mã/hệ thống giao thông trong và ngoài khu vực	0	1,6	15,4	73,6	9,3	3,91	0,553
Góp phần hoàn thiện các cơ sở hạ tầng trong vùng, ví dụ như cấp nước, điện và internet	1,1	9,3	25,8	58,2	5,5	3,58	0,781
Lực lượng cảnh sát, công an ngày càng đảm bảo an ninh, bảo vệ cuộc sống bình yên của người dân được tốt hơn	1,6	9,9	22,5	61,2	3,8	3,57	0,789

Chú thích: ^(*) 1 = Hoàn toàn không đồng ý; 2 = Không đồng ý; 3 = Bình thường; 4 = Đồng ý; 5 = Hoàn toàn đồng ý.

Nguồn: Tổng hợp và phân tích dữ liệu điều tra, 2021

Bảng 4. Nhận thức của người dân về tác động tiêu cực của phát triển du lịch tại Vườn quốc gia Bạch Mã

Tác động của du lịch	Mức độ đánh giá ^(*) (%)					Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
	1	2	3	4	5		
Tác động kinh tế							
Phát triển du lịch tại VQG Bạch Mã gây cản trở các hoạt động kinh tế thường ngày của người dân	2,7	15,9	64,8	15,9	0,5	2,96	0,672
Gây tăng giá các sản phẩm hàng hoá và dịch vụ bởi du lịch	3,8	18,1	61,0	15,4	1,6	2,93	0,744
Những lợi ích kinh tế chỉ hướng đến một nhóm người nhất định	5,5	16,5	61,5	16,5	0	2,89	0,735
Các lợi ích tạo ra từ hoạt động du lịch cuối cùng thuộc về các doanh nghiệp du lịch và người bên ngoài địa phương	3,3	17,6	61,5	14,3	3,3	2,97	0,765
Tác động văn hoá – xã hội							
Các tệ nạn xã hội xuất hiện ngày càng nhiều	18,1	44,5	25,3	8,8	3,3	2,35	0,984
Thay đổi hoặc mất dần truyền thống văn hoá địa phương	19,8	43,3	25,8	6,6	4,4	2,32	1,008
Xuất hiện các vấn đề xung đột giữa khách du lịch và người dân địa phương	14,8	45,1	29,7	8,2	2,2	2,38	0,913
Gia tăng khoảng cách/tầng lớp xã hội có địa vị khác nhau trong vùng	1,6	16,5	22,5	47,8	11,5	3,51	0,956
Tác động môi trường							
Gia tăng các vấn đề đông người quá mức và tắc nghẽn giao thông trong khu vực	5,5	14,3	69,8	8,8	1,6	2,87	0,708
Gây mất yên tĩnh/bình yên trong khu vực/vùng	11,0	18,7	53,3	15,4	1,6	2,78	0,896
Gia tăng lượng rác thải và chất thải	13,7	18,7	47,8	14,8	4,9	2,79	1,021
Gia tăng sức ép phá huỷ cảnh quan thiên nhiên xung quanh và trong khu vực/vùng	10,4	18,7	55,5	13,7	1,6	2,77	0,872

Chú thích: ^(*) 1 = Hoàn toàn không đồng ý; 2 = Không đồng ý; 3 = Bình thường; 4 = Đồng ý; 5 = Hoàn toàn đồng ý.

Nguồn: Phân tích dữ liệu từ phiếu điều tra, 2021

ích môi trường mà người dân đánh giá cao nhất (3,91) và có đến 74% số người được hỏi đồng ý với lợi ích này, bao gồm cả tiếp cận bên trong và bên ngoài khu bảo tồn.

Bên cạnh những lợi ích tích cực, người dân nhận thấy phát triển du lịch tại Bạch Mã còn gây ra các tác động tiêu cực; tuy nhiên, phần lớn những tác động đó được đánh giá ở mức bình thường, hay là không phải không đồng ý cũng không phải đồng ý về những tác động đó

(Bảng 4). Trong số các tác động tiêu cực, kết quả thống kê tần suất cho thấy gần 19% số người được hỏi không đồng ý với nhận định liên quan tới phát triển du lịch tại khu bảo tồn gây cản trở hoạt động thường ngày của người dân địa phương. Kết quả này thấp hơn ba lần so với các phát hiện trước đó tại các khu bảo tồn khác ở Việt Nam [19, 20]. Trong nghiên cứu này, 17,6% số người được hỏi đồng ý với nhận định rằng lợi ích du lịch chủ yếu hướng tới các công ty lữ hành, các hãng du lịch và người bên ngoài địa phương.

3.2 Phân tích nhân tố khám phá các tác động từ du lịch tại Bạch Mã đối với người dân địa phương

Dựa trên thang đo đối với sáu nhóm tác động từ du lịch thông qua 28 biến quan sát (Bảng 1) và nhận thức của người dân về những tác động đó (Bảng 3 và 4), chúng tôi đã tiến hành phân tích nhân tố về các tác động từ DLTN tại Bạch Mã. Sau khi kiểm định độ tin cậy của sáu thang đo với 28 biến quan sát đó, chúng tôi đã loại bỏ năm biến quan sát (cải thiện thu nhập và mức sống, hỗ trợ duy trì các khu di tích, nâng cao khả năng tiếp cận khu bảo tồn, phân tầng xã hội và tụ tập đông người và tắc nghẽn giao thông) khỏi mô hình đề xuất do chúng có hệ số tương quan biến – tổng hiệu chỉnh nhỏ hơn 0,3. Nói cách khác, trong mô hình hiệu chỉnh, chúng tôi tiếp tục kiểm tra độ tin cậy của sáu thang đo với 23 biến quan sát và chúng đều có hệ số Cronbach's alpha lớn hơn 0,6 và tất cả các biến quan sát đưa vào phân tích đều có hệ số tương quan biến – tổng hiệu chỉnh lớn hơn 0,3. Vì vậy, 23 biến quan sát đủ điều kiện để được áp dụng phép phân tích nhân tố khám phá. Kết quả phân tích từ kiểm định KMO (đạt 0,745, tức chỉ số KMO đạt yêu cầu) và kiểm định Bartlett với Sig. = 0,000 (<0,05) lần lượt xác nhận phân tích EFA là thích hợp với dữ liệu thu thập và các biến quan sát có tương quan tuyến tính với nhân tố đại diện.

Kết quả phân tích nhân tố khám phá cũng cho thấy tại mức giá trị Eigenvalue lớn hơn 1 (1,832), phân tích nhân tố đã rút trích được sáu nhóm từ 23 biến quan sát với phương sai trích 71% (>50%) (Bảng 5). Hay, 71% thay đổi của các tác động từ du lịch được giải thích bởi các biến quan sát. Ngoài ra, sáu tác động hình thành từ phát triển DLTN tại Bạch Mã, được đặt tên lần lượt là: nhân tố tích cực về kinh tế (PEC, gồm năm biến quan sát), tích cực về xã hội (PCS, gồm năm biến), tích cực về môi trường (PEV, gồm ba biến), tiêu cực về kinh tế (NEC, gồm bốn biến), tiêu cực về xã hội (NCS, gồm ba biến) và tiêu cực về môi trường (NEV, gồm ba biến). Sáu nhóm nhân tố mới này, liên quan tới tác động kinh tế, văn hoá – xã hội và môi trường gắn với các mặt tích cực và tiêu cực, đều có độ tin cậy khi hệ số tải lớn hơn 0,5 và Cronbach's alpha lớn hơn 0,6. Các yếu tố cấu thành nên mỗi nhóm đều có mối quan hệ nội tại chặt chẽ khi chúng có các giá trị Eigenvalue lớn hơn 1 và hệ số Cronbach's alpha lớn hơn 0,6. Trong sáu nhóm nhân tố, nhân tố tích cực về môi trường có phương sai giải thích cho tác động từ du lịch từ nhận thức của người dân là lớn nhất (79,959%), trong khi đó nhóm nhân tố tích cực về kinh tế là 69,267%.

Giá trị trung bình tính được dựa trên kết quả phân tích nhân tố (Bảng 5), gồm các nhóm

Bảng 5. Kết quả phân tích nhân tố khám phá

Biến quan sát	Hệ số tải của các nhân tố thành phần					
	PEC	PCS	PEV	NEC	NCS	NEV
Các tác động tích cực						
Cải thiện các hoạt động xây dựng, đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng tốt hơn	0,724					
Gia tăng cơ hội nghề nghiệp cho người dân địa phương	0,641					
Cải thiện thu thập và đa dạng hoá sinh kế của người dân địa phương	0,563					
Góp phần phục hồi, duy trì các làng nghề, sự kiện và lễ hội truyền thống	0,812					
Góp phần tăng nguồn ngân sách cho địa phương như các khoản thuế liên quan tới du lịch	0,545					
Gia tăng nhu cầu về các hoạt động văn hoá, vui chơi và giải trí		0,879				
Các hoạt động giải trí hiện hữu, mở rộng và hoạt động ngày càng nhiều		0,874				
Góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân địa phương		0,887				
Nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ du lịch (ví dụ như nhà hàng, khách sạn)		0,854				
Tăng cường tương tác, hiểu biết văn hoá ở giữa các nhóm/cộng đồng khác nhau		0,880				
Nâng cao nhận thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường tốt hơn			0,916			
Góp phần hoàn thiện các cơ sở hạ tầng trong vùng, ví dụ như cấp nước, điện và internet			0,892			
Lực lượng cảnh sát, công an ngày càng đảm bảo an ninh, bảo vệ cuộc sống bình yên của người dân được tốt hơn			0,864			
Các tác động tiêu cực						
Phát triển du lịch tại VQG Bạch Mã gây cản trở các hoạt động kinh tế thường ngày của người dân				0,879		
Gây tăng giá các sản phẩm hàng hoá và dịch vụ bởi du lịch				0,857		
Những lợi ích kinh tế chỉ hướng đến một nhóm người nhất định				0,867		

Các lợi ích tạo ra từ hoạt động du lịch cuối cùng thuộc về các doanh nghiệp du lịch và người bên ngoài địa phương						0,837
Các tệ nạn xã hội xuất hiện ngày càng nhiều						0,843
Thay đổi hoặc mất dần truyền thống văn hoá địa phương						0,874
Xuất hiện các vấn đề xung đột giữa khách du lịch và người dân địa phương						0,877
Gây mất yên tĩnh/bình yên trong khu vực/vùng						0,868
Gia tăng lượng rác thải và chất thải						0,884
Gia tăng sức ép phá huỷ cảnh quan thiên nhiên xung quanh và trong khu vực/vùng						0,894
Hệ số Cronbach's alpha	0,683	0,925	0,874	0,884	0,845	0,87
Giá trị Eigen value	1,242	3,856	2,399	2,975	2,298	2,393
Mức độ giải thích tích lũy (%)	69,267	77,119	79,959	74,387	76,605	79,768
Hệ số KMO						0,745
Kiểm định Bartlett						0,000
Phương sai trích						71,096

Chú thích: Extraction Method = Principal Component Analysis; Rotation Method = Varimax with Kaiser Normalization; PEC = Tác động tích cực về kinh tế; PCS = Tác động tích cực về văn hoá – xã hội; PEV = Tác động tích cực về môi trường; NEC = Tác động tiêu cực về kinh tế; NCS = Tác động tiêu cực về văn hoá – xã hội; NEV = Tác động tiêu cực về môi trường.

Nguồn: Phân tích dữ liệu từ phiếu điều tra, 2021

nhân tố PEC (4,06), PCS (3,946), PEV (3,573), NEC (2,935), NCS (2,35) và NEV (2,78), cho thấy người dân địa phương đánh giá cao hai nhân tố đặc trưng cho tác động từ sự phát triển DLTN tại VQG Bạch Mã là “tích cực về kinh tế” và “tích cực về xã hội”. Trong nhận thức của người dân địa phương sống xung quanh VQG Bạch Mã, tích cực về kinh tế bắt nguồn chủ yếu từ những cải thiện xây dựng, đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, mở rộng làng nghề, sự kiện và lễ hội truyền thống, cũng như những cải thiện cơ hội việc làm và gia tăng thu nhập (Bảng 3). Các hoạt động giải trí hiện hữu gia tăng và cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân được xem là những yếu tố cấu thành quan trọng cho tác động tích cực đối với văn hoá – xã hội nhận được từ du lịch. Nhìn chung, những đánh giá tích cực về kinh tế, văn hoá và xã hội dưới góc nhìn của người dân địa phương có được phần nào là nhờ các kết quả áp dụng các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế – xã hội của các ban, ngành và địa phương, trong đó có lĩnh vực du lịch. Đặc biệt, tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành và triển khai nhiều đề án, cơ chế và chính sách nhằm thúc đẩy hoạt động du

lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương, chú trọng vào đầu tư có trọng điểm, phát triển các sản phẩm du lịch. Nói cách khác, những tác động từ những chính sách và kế hoạch hành động cụ thể đó đã góp phần không nhỏ vào sự phát triển DLTN của VQG Bạch Mã cũng như những tác động về kinh tế và xã hội dưới con mắt của người dân địa phương. Trong Chương trình hành động về xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế về du lịch giai đoạn 2021–2025, VQG Bạch Mã không chỉ được xem là điểm du lịch quốc gia mà còn là ưu tiên phát triển đầu tư hạ tầng kết nối giao thông với thành phố Huế và với các sản phẩm du lịch khác nhau của địa phương. Ngoài ra, Đề án du lịch của VQG Bạch Mã đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã tạo hành lang thuận lợi cho việc huy động các nguồn lực xã hội tham gia vào khai thác và phát triển các hoạt động du lịch tại vườn quốc gia này, trong đó nhấn mạnh khía cạnh hội nhập quốc tế, phát triển các sản phẩm du lịch gắn với bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Mặc dù đa phần người dân địa phương đánh giá các tác động tiêu cực ở mức bình thường (Bảng 4), một số yếu tố cấu thành nên những nhóm tiêu cực đó nên được cân nhắc và xem xét trong các chính sách liên quan, nhất là trong khía cạnh kinh tế và môi trường. Chẳng hạn như giá cả của các hàng hoá và dịch vụ tăng, các hoạt động kinh tế thường ngày của người dân bị xáo trộn, hay những lợi ích kinh tế từ du lịch cuối cùng chỉ hướng đến các doanh nghiệp du lịch hoặc người dân bên ngoài cộng đồng. Do đó, cần mở rộng các đề án, cơ chế, chính sách thu hút, huy động sự tham gia tích cực của người dân địa phương vào các hoạt động du lịch, kết nối và đa dạng hoá các hình thức liên kết (chính quyền địa phương, khu bảo tồn, cộng đồng địa phương và doanh nghiệp) cũng như các sản phẩm du lịch của khu bảo tồn gắn với các giá trị tiềm năng du lịch của cộng đồng bản địa, hướng tới phát triển du lịch theo hướng bền vững.

Kết quả kiểm định sự khác biệt về đánh giá về các nhóm tác động từ sự phát triển du lịch tại VQG Bạch Mã giữa người dân địa phương theo các đặc điểm nhân khẩu học khác nhau, bao gồm giới tính, tuổi và trình độ giáo dục, được trình bày trong Bảng 6. Chúng tôi đã tiến hành kiểm định T đối với giới tính và trình độ và kiểm định phương sai một chiều được thực hiện đối với độ tuổi. Kết quả kiểm định cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa về giới tính và độ tuổi giữa các nhóm khi đánh giá các nhân tố tác động về kinh tế và môi trường. Trong khía cạnh giới, các trị số trung bình giữa hai nhóm về các tác động môi trường cho thấy rằng “tích cực về môi trường” và “tiêu cực về môi trường” từ phát triển du lịch được nữ giới đánh giá cao hơn so với nam giới. Tuy nhiên, các tác động kinh tế và xã hội không có khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm phỏng vấn theo giới. Trong khi đó, người phỏng vấn càng lớn tuổi càng có xu hướng đánh giá cao về tác động tích cực về kinh tế so với các nhóm còn lại. Điều này phản ánh phần nào quãng thời gian người dân sinh sống xung quanh VQG Bạch Mã và họ quan sát, cảm nhận những thay đổi tích cực về kinh tế từ sự phát triển du lịch của khu bảo tồn này. Các kết quả trong nghiên cứu này cũng góp phần bổ sung thêm các bằng chứng thực tiễn về ảnh hưởng của yếu tố nhân khẩu học trong mối liên quan với nhận thức tác động tích cực và tiêu cực của du lịch [16].

Bảng 6. Kết quả kiểm định sự khác biệt khi đánh giá các nhân tố tác động từ phát triển du lịch tại Vườn quốc gia Bạch Mã giữa người dân địa phương theo các đặc điểm nhân khẩu học

Đặc điểm nhân khẩu học	PEC	PCS	PEV	NEC	NCS	NEV
Giới tính						
Nam	4,0792	3,901	3,4422	3,0173	2,3267	2,7063
Nữ	4,0370	4,0025	3,7366	2,8333	2,3786	2,8724
Giá trị T	0,541	-1,183	-2,99**	1,979	-0,410	-1,373*
Tuổi						
18–25 năm	3,9286	3,9214	3,2976	2,8304	2,2857	2,9286
26–35 năm	4,2093	3,8791	3,5194	2,9593	2,4651	2,7132
36–45 năm	4,0867	3,9518	3,6466	2,9066	2,3775	2,739
Từ 46 tuổi trở lên	3,8857	4,0571	3,7143	3,0893	2,1548	2,8571
Giá trị F	2,973*	0,557	2,271	0,898	0,841	0,536
Trình độ giáo dục						
Tốt nghiệp THPT trở xuống	4,0452	3,9322	3,5855	2,9174	2,3797	2,7536
Tốt nghiệp cao đẳng, đại học trở lên	4,0866	3,9701	3,5522	2,9664	2,2985	2,8259
Giá trị T	-0,514	-0,428	0,309	-0,507	0,623	-0,565

Chú thích: *P là có ý nghĩa ở mức 0,05; **P là có ý nghĩa ở mức 0,01; PEC = Tác động tích cực về kinh tế; PCS = Tác động tích cực về văn hoá – xã hội; PEV = Tác động tích cực về môi trường; NEC = Tác động tiêu cực về kinh tế; NCS = Tác động tiêu cực về văn hoá – xã hội; NEV = Tác động tiêu cực về môi trường; T value và F value nhận được lần lượt dựa theo kiểm định T-test và ANOVA.

Nguồn: Phân tích dữ liệu từ phiếu điều tra, 2021

4 Kết luận

Du lịch dựa vào thiên nhiên tại các khu bảo tồn đang thu hút sự quan tâm rộng rãi của các nhà thực hành, quản lý và hoạch định chính sách, không chỉ hướng đến việc quản lý và phát triển bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên mà còn đóng góp cho sự phát triển kinh tế và xã hội của các địa phương. Nghiên cứu này góp phần vào nỗ lực chung đó dựa trên việc xem xét các tác động của các hoạt động DLTN tại VQG Bạch Mã, tỉnh Thừa Thiên Huế, dưới góc nhìn của chính những người bản địa sống trong vùng đệm của khu bảo tồn này. Kết quả nghiên cứu chỉ ra các tác động kinh tế, xã hội và môi trường, bao gồm cả mặt tích cực lẫn tiêu cực từ việc phát triển du lịch dựa vào thiên nhiên của VQG Bạch Mã và xem xét sự khác biệt đối với các tác động ở giữa những người địa phương theo các đặc điểm nhân khẩu học khác nhau (giới tính, tuổi và trình độ giáo dục). Trên cơ sở đó, chúng tôi xác nhận 23 thuộc tính được xác lập thành sáu nhóm tác động

từ du lịch sau khi áp dụng phân tích nhân tố khám phá. Các tác động tích cực về kinh tế và xã hội được xem như là những yếu tố đóng góp nổi bật từ sự phát triển du lịch của khu bảo tồn đối với người dân địa phương. Ngoài ra, một sự khác biệt có ý nghĩa đối với các tác động từ du lịch, liên quan quan tới khía cạnh kinh tế và môi trường, được phát hiện ở giữa những người dân địa phương theo giới tính và tuổi. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp thông tin về thực tiễn phát triển du lịch dựa vào thiên nhiên tại các khu bảo tồn ở Việt Nam.

Hơn nữa, các kết quả của nghiên cứu này về nhận thức của người dân địa phương về tác động từ du lịch có thể cung cấp các thông tin hữu ích cho các nhà quản lý và hoạch định chính sách các cấp, cũng như các ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên trong quá trình thiết kế, lập kế hoạch, quản lý và phát triển các chiến lược thành công và bền vững, không chỉ đối với DLTN mà còn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của người dân địa phương. Kết quả nghiên cứu góp phần chỉ ra các mối đe dọa từ những tác động tiêu cực của phát triển du lịch bền vững như DLTN và điều này gợi mở cơ hội để triển khai các hành động/chiến lược thích ứng trong phát triển du lịch. Nhằm hiểu rõ hơn các tác động của DLTN, các nghiên cứu tiếp theo là hết sức cần thiết, ví dụ như tác động của du lịch chịu ảnh hưởng như thế nào từ sự hỗ trợ của người dân địa phương cho quá trình phát triển du lịch, kết quả thực thi chính sách của các cấp quản lý nhà nước và ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên, hay bối cảnh phát triển kinh tế – xã hội trong vùng/khu vực. Ngoài ra, các kết quả của nghiên cứu này có thể hỗ trợ thông tin và giúp các nghiên cứu tiếp theo hiểu thêm mối liên hệ giữa nhận thức và phát triển du lịch, giữa khu bảo tồn thiên nhiên và cộng đồng địa phương.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được Bộ Giáo dục và Đào tạo tài trợ thông qua Đề tài khoa học và công nghệ Đại học Huế mã số DHH2020-06-86.

Tài liệu tham khảo

1. Nyaupane, G. P., Morais, D. B. and Graefe, A. R. (2004), Nature-based tourism constraints: A cross-activity comparison, *Annals of Tourism Research*, 31(3), 540–555.
2. International Ecotourism Society, Ecotourism statistical fact sheet (2002), [Online]. Available: <http://www.active-tourism.com/factsEcotourism1.pdf>. [Accessed 04/15/2022].
3. Newsome, D., Moore, S. and Dowling, R. (2013), *Natural area tourism: Ecology, impacts and management*, 2nd Ed. Bristol, UK: Channel View Publications.
4. Balmford, A., Green, J. M. H., Anderson, M., Beresford, J., et al. (2015), Walk on the wild side: estimating the global magnitude of visits to protected areas, *PLoS Biology*, 13(2), e1002074.

5. Snyman, S. and Bricker, K. S. (2019), Living on the edge: benefit-sharing from protected area tourism, *Journal of Sustainable Tourism*, 27(6), 705–719.
6. Eagles, F. J., McCool, S. F. and Haynes, C. D. (2002), *Sustainable tourism in protected areas: Guidelines for planning and management*, Gland and Cambridge: IUCN.
7. Luong, P. T. (1999), Current situation, potential and orientation on ecotourism development in Vietnam, in *Proceedings, National Workshop on Development of a National Ecotourism Strategy for Vietnam, Hanoi (Vietnam), 7–9 September*, Hanoi: Institute for Tourism Development Research and IUCN.
8. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 201/2013/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2013 phê duyệt, Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030*.
9. Vườn quốc gia Bạch Mã (2020), *Báo cáo phương án phát triển du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Bạch Mã*, Vườn quốc gia Bạch Mã, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế.
10. An, L., Markowski, T., J., Bartos, M., Rzenca, A. and Namiecinski, P. (2019), An evaluation of destination attractiveness for nature-based tourism: Recommendations for the management of national parks in Vietnam, *Nature Conservation*, 32 (51–80).
11. Rugendyke, B. and Son, N. T. (2005), Conservation costs: Nature-based tourism as development at Cuc Phuong national park, Vietnam, *Asia Pacific Viewpoint*, 46(2), 185–200.
12. An, L. T., Markowski, J. and Bartos, M. (2018), The comparative analyses of selected aspects of conservation and management of Vietnam's national parks, *Nature Conservation*, 25, 1–30.
13. Lê Thanh An, Nguyễn Vũ Linh và Nguyễn Quốc Hưng (2020), Đánh giá khả năng tự chủ tài chính tại Vườn quốc gia Bạch Mã, Việt Nam, *Tạp chí Khoa học Quản lý và Kinh tế, Trường Đại học Kinh Tế, Đại học Huế*, 15, 23–34.
14. Deery, M., Jago, L. and Fredline, L. (2012), Rethinking social impacts of tourism research: A new research agenda, *Tourism Management*, 33(1), 64–73.
15. Eagles, P. F. J., Bowman, M. E. and Tao, TC-H. (2001), *Guidelines for tourism in parks and protected areas of East Asia*, Gland and Cambridge: IUCN.
16. Easterling, D. S. (2005), The residents' perspective in tourism research: A review and synthesis, *Journal of Travel & Tourism Marketing*, 17(4), 45–62.
17. Ko, D. -W. and Stewart, W. P. (2002), A structural equation model of residents' attitudes for tourism development, *Tourism Management*, 3(5), 521–530.
18. Rasoolimanesh, S. M. and Jaafar, M. (2017), Sustainable tourism development and residents' perceptions in World Heritage Site destinations, *Asia Pacific Journal of Tourism Research*, 22(1), 34–48.

19. Long, P. H. and Kayat, K. (2011), Residents' perceptions of tourism impact and their support for tourism development: the case study of Cuc Phuong National Park, Ninh Binh province, Vietnam, *European Journal of Tourism Research*, 4(2), 123–146.
20. Huong, P. M. and Lee, J-H. (2017), Finding important factors affecting local residents' support for tourism development in Ba Be National Park, Vietnam, *Forest Science and Technology*, 13(3) 126–132.
21. Holmes, G. (2001), Exploring the relationship between local support and the success of protected areas, *Conservation and Society*, 11(1), 72–82.
22. Mombeshora, S. and Le Bel, S. (2009), Parks-people conflicts: the case of Gonarezhou National Park and the Chitsa community in south-east Zimbabwe, *Biodiversity and Conservation*, 18(10), 2601–2623.
23. Choi, H. S. C. and Sirakaya, E. (2005), Measuring residents' attitude toward sustainable tourism: Development of sustainable tourism attitude scale, *Journal of Travel Research*, 43(4), 380–394.
24. Rasoolimanesh, S. M. and Jaafar, M. (2017), Sustainable tourism development and residents' perceptions in World Heritage Site destinations, *Asia Pacific Journal of Tourism Research*, 22(1), 34–48.
25. Buckley, R. (2012), Sustainable tourism: Research and reality, *Annals of Tourism Research*, 39(2) 528–546.
26. Huỳnh Văn Khéo và Trần Thiện Ân (2011), *Kiểm kê danh lục động thực vật Vườn quốc gia Bạch Mã*, Thừa Thiên Huế, Nxb. Thuận Hoá.
27. Van, T. Y., Nguyen, H. K. L., Nguyen, B. N. and Q. T. Le (2016), Study on biomass and carbon stock of woody floor at several forests in Bach Ma National Park, Thua Thien Hue province, *Journal of Vietnamese Environment*, 8, 88–94.
28. Ap, J. (1992), Residents' perceptions on tourism impacts (1992), *Annals of Tourism Research*, 19(4), 665–690.
29. Jurowski, C., Uysal, M. and Williams, D. R. (1997), A theoretical analysis of host community resident reactions to tourism, *Journal of Travel Research*, 36(2), 3–11.
30. Amuquandoh, F. E. (2010), Residents' perceptions of the environmental impacts of tourism in the Lake Bosomtwe Basin, Ghana, *Journal of Sustainable Tourism*, 18(2), 223–238.
31. Wang, Y. and Pfister, R. E. (2008), Residents' attitudes toward tourism and perceived personal benefits in a rural community, *Journal of Travel Research*, 47(1), 84–93.
32. Mbaiwa, J. E. (2003), The socio-economic and environmental impacts of tourism development on the Okavango Delta, north-western Botswana, *Journal of Arid Environments*, 54(2), 447–467.

33. Kumar, J. and Hussain, K. (2014), Evaluating tourism's economic effects: Comparison of different approaches, *Procedia – Social and Behavioral Sciences*, 144, 360–365.
34. Tooman, L. A. (1997), Tourism and development, *Journal of Travel Research*, 35(3), 33–40.
35. Snyman, S. (2013), Household spending patterns and flow of ecotourism income into communities around Liwonde National Park, Malawi, *Development Southern Africa*, 30(4–5), 640–658.
36. Burns, D. (1996), Attitudes toward tourism development, *Annals of Tourism Research*, 23(4), 935–938.
37. Sirivongs, K. and Tsuchiya, T. (2012), Relationship between local residents' perceptions, attitudes and participation towards national protected areas: A case study of Phou Khao Khouay National Protected Area, central Lao PDR, *Forest Policy and Economics*, 21, 92–100.
38. Akis, S., Peristianis, N. and Warner, J. (1996), Residents' attitudes to tourism development: The case of Cyprus, *Tourism Management*, 17(7), 481–494.
39. Perdue, R. R., Long, P. T. and Allen, L. (1987), Rural resident tourism perceptions and attitudes, *Annals of Tourism Research*, 14, 420–29.
40. Yamane, T. (1967), *Statistics: An introductory analysis*, 2nd Ed. New York, NY: Harper and Row Publishers.
41. Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., and Anderson, R. E. (2014), *Structural Equations Modeling Overview, Trong Multivariate Data Analysis*, 7 Ed. Englewood Cliffs, NJ: Pearson Education Limited.
42. Bollen, K. A. (1989), *Structrural equations with latant variable*, New York: John Wiley & Sons.
43. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (2016), *Quyết định 2353/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2016 về việc Phê duyệt dự án đầu tư đường nối từ quốc lộ 1A vào Vườn quốc gia Bạch Mã, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế*.
44. Rugendyke, B. and Son, N. T. (2005), Conservation costs: Nature-based tourism as development at Cuc Phuong national park, Vietnam, *Asia Pacific Viewpoint*, 46(2), 185–200.
45. Hương Lê (2012), *WWF hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng ở Vườn quốc gia Cát Tiên*. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <https://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/9752>. [Truy cập 12/04/2022].